

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 258/Ấn Nam/2022

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH Thực phẩm ẤN NAM**

Địa chỉ: 41 Thảo Điền, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3512 6400 Fax: 028.3512 6401

Email: [info@annam-finefood.com](mailto:info@annam-finefood.com)

Mã số doanh nghiệp: 0302314179

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Kẹo thảo mộc Ricola trái cây Cranberry không đường**

2. Thành phần: Chất tạo ngọt tổng hợp (isomalt), chất điều chỉnh độ acid (acid citric), hương liệu tự nhiên (nam việt quất, mận gai, lý chua đen, tinh dầu bạc hà), nước ép nam việt quất cô đặc (0,5%), chiết xuất (0,4%) hỗn hợp các loại thảo mộc Ricola, nước ép chokeberry đen cô đặc, chất tạo ngọt tự nhiên (Steviol glycosid từ Stevia rebaudiana Bertoni (Steviol glycosid từ Stevia))  
Có chứa chất tạo màu và hương liệu tự nhiên được cấp phép.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 40 g/ hộp
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng kín trong hộp giấy, bên ngoài là lớp nhựa PE, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. Xuất xứ hàng hóa:

Sản xuất tại: Ricola Ltd.

Địa chỉ: 4242 Laufen, Thụy Sĩ

Xuất xứ: Thụy Sĩ

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** Đính kèm Nhãn sản phẩm có dịch thuật tiếng Việt và Nhãn phụ.

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.



*Qu*

**Các chỉ tiêu an toàn thực phẩm công bố theo sản phẩm trên:**

| Stt                                       | Tên chỉ tiêu            | Đơn vị tính | Mức giới hạn |
|-------------------------------------------|-------------------------|-------------|--------------|
| <b>Vi sinh vật</b>                        |                         |             |              |
| 1                                         | Tổng số VSVHK           | cfu/g       | 10000        |
| 2                                         | Coliforms               | cfu/g       | 10           |
| 3                                         | E.coli                  | mpn/g       | 3            |
| 4                                         | B. cereus               | cfu/g       | 10           |
| 5                                         | Clostridium perfringens | cfu/g       | 10           |
| 6                                         | S. aureus               | cfu/g       | 10           |
| 7                                         | TSBTNM-M                | cfu/g       | 100          |
| <b>Kim loại nặng</b>                      |                         |             |              |
| 1                                         | Arsen (As)              | mg/kg       | 1            |
| 2                                         | Cadmi (Cd)              | mg/kg       | 1            |
| 3                                         | Thủy ngân (Hg)          | mg/kg       | 0,05         |
| <b>Hàm lượng hóa chất không mong muốn</b> |                         |             |              |
| 1                                         | Aflatoxin B1            | µg/kg       | 5            |
| 2                                         | Aflatoxin tổng          | µg/kg       | 10           |
| 3                                         | Patulin                 | µg/kg       | 50           |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2022

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



**VÕ THỊ NĂM**

2314  
CÔN  
TN  
HỤC  
ÂN  
ĐỨC

*Qu*

## NỘI DUNG NHÃN PHỤ

**Tên sản phẩm:** Kẹo thảo mộc Ricola trái cây Cranberry không đường

**Giá trị dinh dưỡng/ 100 g ( $\pm 15\%$ ):** Năng lượng 388 kcal; Béo 0 g, Chất béo bão hòa 0 g, Chất béo chuyển hóa 0 g; Protein 0 g; Cholesterol 0 mg; Carbohydrate 97 g, Đường 0 g, Chất xơ 0 g; Natri 0 mg.

**Thành phần:** Chất tạo ngọt tổng hợp (isomalt), chất điều chỉnh độ acid (acid citric), hương liệu tự nhiên (nam việt quất, mận gai, lý chua đen, tinh dầu bạc hà), nước ép nam việt quất cô đặc (0,5%), chiết xuất (0,4%) hỗn hợp các loại thảo mộc Ricola, nước ép chokeberry đen cô đặc, chất tạo ngọt tự nhiên (Steviol glycosid từ Stevia rebaudiana Bertoni (Steviol glycosid từ Stevia))

Có chứa chất tạo màu và hương liệu tự nhiên được cấp phép.

**NSX:** xem “Prod. Date” dưới đáy hộp.

**Sử dụng tốt nhất trước:** xem “Best Before” dưới đáy hộp.

**Thông tin cảnh báo:** Dùng quá mức có thể gây nhuận tràng (ví dụ: 10 viên trong 1 - 2 tiếng).

**Khối lượng tịnh:** 40 g/ hộp.

**Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trực tiếp không qua xử lý nhiệt.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát.

### XUẤT XỨ HÀNG HÓA:

Sản xuất tại: Ricola Ltd.  
Địa chỉ: 4242 Laufen, Thụy Sĩ  
Xuất xứ: Thụy Sĩ

Công ty nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về hàng hóa:

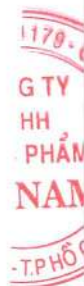
**CÔNG TY TNHH Thực phẩm AN NAM**

Địa chỉ: 41 Thảo Điền, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3512 6400 Fax: 028.3512 6401

Website: <http://annam-finefood.com>

Số Tự công bố: 258/Ân Nam/2022



*Qu*

Mẫu nhãn sản phẩm: Kẹo thảo mộc Ricola trái cây Cranberry không đường 40 g



Manufacturer: Ricola Ltd., 4242 Laufen, Switzerland, www.ricola.com  
 Importer and sole agent for: Singapore: Matrix Star Marketing Pte Ltd., 22 Sin Ming Lane, #04-84 Midview City, Singapore 573969. Malaysia: Shiro (Malaysia) Sdn. Bhd., Lots 22 & 24, Jalan 225, Section 51A, 46100 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia. Philippines: Kenda Int'l Inc., member of Composite Grp. of Co., Makati City.  
 Made in Switzerland. © 2021, Ricola Group AG, 4242 Laufen, Switzerland

Signature

# Ricola

Since 1930, the Richterich family have made Ricola from naturally good Swiss Alpine herbs. Ricola is loved throughout the world for being deliciously soothing.

## Swiss Herb Candy Sugar Free Cranberry

Our 13 Swiss Alpine herbs combine with fruity Cranberry juice to soothe and refresh.

| Nutrition Information |                  |                    |
|-----------------------|------------------|--------------------|
| Serving size          | per serving      | per 100g           |
| per pack (16)         | (7.5g)           |                    |
| Energy                | 40 kcal / 168 kJ | 322 kcal / 1350 kJ |
| Protein               | 0g               | 0g                 |
| Total fat             | 0g               | 0g                 |
| Saturated fat         | 0g               | 0g                 |
| Trans fat             | 0g               | 0g                 |
| Cholesterol           | 0mg              | 0mg                |
| Carbohydrates         | 2.4g             | 97g                |
| Sugars                | 0g               | 0g                 |
| Dietary fibre         | 0g               | 0g                 |
| Sodium                | 0mg              | 0mg                |

Best before: see bottom **40g net**

**Ingredients:** Sweetener (sorbitol), acid (citric acid), natural flavourings (cranberry, sloe, black currant, menthol), cranberry juice concentrate (0.5%), extract (0.4%) of Ricola's herb mixture, black chokeberry juice concentrate, sweetener (steviol glycosides).

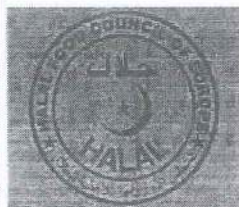
Contains permitted natural flavouring substances. Excessive consumption may induce laxative effects (e.g. 10 lozenges in 1 - 2 hours).

MADE WITH SWISS ALPINE HERBS

## CRANBERRY



soothing • refreshing



Protect from heat and moisture.  
Best before:  
Prod. Date:

**Ricola**  
CRANBERRY

SUGAR FREE

Manufacturer: Ricola Ltd., 4242 Laufen, Switzerland, [www.ricola.com](http://www.ricola.com)  
Importer and sole agent for: Singapore: Matrix Star Marketing Pte Ltd., 22 Sin Ming Lane, #04-84 Midview City, Singapore 573969; Malaysia: Shiro (Malaysia) Sdn. Bhd., Lots 22 & 24, Jalan 225, Section 51A, 46100 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia; Philippines: Kenda Int'l Inc., member of Composite Grp. of Co., Makati City.  
Made in Switzerland. © 2021, Ricola Group AG, 4242 Laufen, Switzerland



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2022

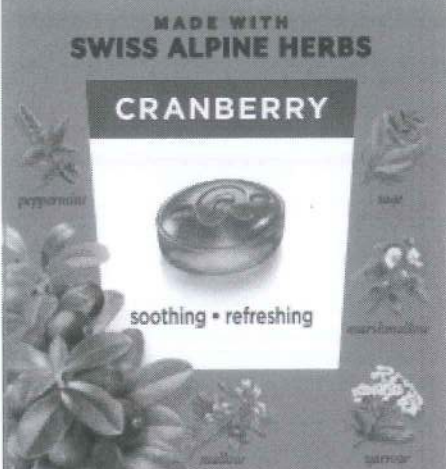
**CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ÂN NAM**

**GIÁM ĐỐC TRADE MARKETING**



**VÔ THỊ NĂM**



|                                                                                                                                                                                                                                                            |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |               |           |            |  |                        |             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|------------|--|------------------------|-------------|
|                                                                                                                                                                           |                        | <p>Ricola<br/>CRANBERRY<br/>KHÔNG ĐƯỜNG</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |               |           |            |  |                        |             |
|                                                                                                                                                                           |                        | <p>CHIẾT XUẤT TỪ<br/>THẢO MỘC DÂY ALPS THỤY SĨ</p> <table border="1" data-bbox="1034 443 1262 667"> <tr> <td data-bbox="935 483 1018 551">Bạc hà<br/>cay</td><td data-bbox="1054 490 1238 524">CRANBERRY</td><td data-bbox="1286 472 1350 539">Xô<br/>thơm</td></tr> <tr> <td></td><td data-bbox="1054 584 1238 651">Dịu ngọt • Tươi<br/>mát</td><td data-bbox="1286 584 1350 651">Thực<br/>quỳ</td></tr> </table> <p data-bbox="1094 719 1358 752">Cầm quỳ      Cỏ thi</p> | Bạc hà<br>cay | CRANBERRY | Xô<br>thơm |  | Dịu ngọt • Tươi<br>mát | Thực<br>quỳ |
| Bạc hà<br>cay                                                                                                                                                                                                                                              | CRANBERRY              | Xô<br>thơm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |               |           |            |  |                        |             |
|                                                                                                                                                                                                                                                            | Dịu ngọt • Tươi<br>mát | Thực<br>quỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |               |           |            |  |                        |             |
| <p>9014275 SG/MY/PH</p> <p>Protect from heat and moisture.<br/>Best before:<br/>此日期前最佳<br/>(d/m/y/yy)<br/>Prod. Date:</p>                                                                                                                                  |                        | <p>Bảo quản ở nơi tránh nhiệt độ cao và độ ẩm.<br/>Sử dụng tốt nhất trước ngày:<br/>Ngày sản xuất:<br/><br/>9014275 SG/MY/PH</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |               |           |            |  |                        |             |
|                                                                                                                                                                         |                        | <p>HỘI ĐỒNG THỰC PHẨM<br/>HALAL CHÂU ÂU<br/>HALAL</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |               |           |            |  |                        |             |
|  <p>Since 1930, the Richterich family have made Ricola from naturally good Swiss Alpine herbs. Ricola is loved throughout the world for being deliciously soothing.</p> |                        | <p>Ricola<br/>Từ năm 1930, gia đình Richterich đã tạo nên Ricola từ các loại thảo mộc tự nhiên tươi tốt nơi dãy Alps Thụy Sĩ. Ricola được yêu thích trên khắp thế giới nhờ hương vị dịu ngọt thơm ngon.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                 |               |           |            |  |                        |             |
| <p><b>Swiss Herb Candy Sugar Free Cranberry</b></p> <p>Our 13 Swiss Alpine herbs combine with fruity Cranberry juice to soothe and refresh.</p>                                                                                                            |                        | <p>Kẹo thảo mộc Thụy Sĩ không đường Cranberry<br/>13 loại thảo mộc dãy Alps Thụy Sĩ của chúng tôi kết hợp với nước ép Nam việt quất mang đến vị dịu ngọt và tươi mát.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |           |            |  |                        |             |

| Nutrition Information    |                     |                      |
|--------------------------|---------------------|----------------------|
| Servings per package: 16 | per serving (2,5 g) | per 100 g            |
| Energy                   | 10 kcal/<br>41 kJ   | 388 kcal/<br>1630 kJ |
| Protein                  | 0 g                 | 0 g                  |
| Total fat                | 0 g                 | 0 g                  |
| - Saturated fat          | 0 g                 | 0 g                  |
| - Trans fat              | 0 g                 | 0 g                  |
| Cholesterol              | 0 mg                | 0 mg                 |
| Carbohydrates            | 2,4 g               | 97 g                 |
| - Sugars                 | 0 g                 | 0 g                  |
| Dietary fibre            | 0 g                 | 0 g                  |
| Sodium                   | 0 mg                | 0 mg                 |

Best before:  
see bottom **40g net**

**Ingredients:** Sweetener (isomalt), acid (citric acid), natural flavourings (cranberry, sloe, black currant, menthol), cranberry juice concentrate (0,5%), extract (0,4%) of Ricola's herb mixture, black chokeberry juice concentrate, sweetener (steviol glycosides).

Contains permitted natural flavouring substances.

Excessive consumption may induce laxative effects (e.g. 10 lozenges in 1 – 2 hours).

Manufacturer: Ricola Ltd., 4242 Laufen, Switzerland, [www.ricola.com](http://www.ricola.com)  
 Importer and sole agent for: Singapore: Matrix Star Marketing Pte Ltd., 22 Sin Ming Lane, #04-84 Midview City, Singapore 573969. Malaysia: Shiro (Malaysia) Sdn. Bhd., Lots 22 & 24, Jalan 225, Section 51A, 46100 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia. Philippines: Kenda Int'l Inc., member of Composite Grp. of Co., Makati City.  
 Made in Switzerland. © 2021, Ricola Group AG, 4242 Laufen, Switzerland

#### Thông tin dinh dưỡng

Trên  
Khẩu phần khẩu phần  
mỗi hộp: 16 phần  
Trên  
100 g  
(2,5 g)

Năng lượng 10 kcal/  
41 kJ 388 kcal/  
1630 kJ

Protein 0 g 0 g

Tổng chất béo 0 g 0 g

- Chất béo bão hòa 0 g 0 g

- Chất béo chuyển hóa 0 g 0 g

Cholesterol 0 mg 0 mg

Carbohydrate 2,4 g 97 g

- Đường 0 g 0 g

Chất xơ 0 g 0 g

Natri 0 mg 0 mg

Sử dụng tốt nhất trước ngày: xem ở đáy hộp Khối lượng tịnh 40 g

**Thành phần:** Chất tạo ngọt (isomalt), chất điều chỉnh độ acid (acid citric), hương liệu tự nhiên (nam việt quất, mận gai, lý chua đen, tinh dầu bạc hà), nước ép nam việt quất cô đặc (0,5%), chiết xuất (0,4%) hỗn hợp các loại thảo mộc Ricola, nước ép chokeberry đen cô đặc, chất tạo ngọt (steviol glycosid).

Có chứa màu và hương liệu tự nhiên được cấp phép.

Dùng quá mức có thể gây nhuận tràng (ví dụ: 10 viên trong 1 - 2 tiếng).

**Nhà sản xuất:** Ricola Ltd., 4242 Laufen, Thụy Sĩ, [www.ricola.com](http://www.ricola.com).

**Nhà nhập khẩu và đại lý độc quyền cho:** **Singapore:** Matrix Star Marketing Pte Ltd., 22 Sin Ming Lane, #04-84 Thành phố Midview. Singapore 573969. **Malaysia:** Shiro (Malaysia) Sdn. Bhd., Lô 22 & 24, Jalan 225, Khu 51A, 46100 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia. **Phi-líp-pin:** Kenda Int'l Inc., thành viên của Composite Grp. of Co., Thành phố Makati.

Sản xuất tại Thụy Sĩ. © 2021, Ricola Group AG, 4242 Laufen, Thụy Sĩ

Tôi, Nguyễn Thế An, Chứng minh nhân dân số: 261361467, cam đoan đã dịch chính xác nội dung giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022

Người dịch

Nguyễn Thế An

Ngày 21 tháng 4 năm 2022  
(Ngày....hàng...mất.....tháng.....bốn.....  
năm hai nghìn không trăm hai mươi hai )

Tại Phòng Tư pháp quận Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh

Tôi,

*Nguyễn Thanh Bạch*

Là Phó Trưởng phòng Tư pháp quận Phú Nhuận

**CHỨNG THỰC:**

Ông Nguyễn Thế An là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực:

0 4 6 2 7 4

Quyển số: 01-SCT/CKND

Ngày 21 tháng 4 năm 2022

**Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận Phú Nhuận**



*Nguyễn Thanh Bạch*



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2022-00046234  
Mã số kết quả : AR-22-VD-048969-01-VI / EUVNHC-00167470



## Công Ty TNHH Thực Phẩm Ân Nam

41 Thảo Điền, Phường Thảo Điền

Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Kẹo thảo mộc Ricola trái cây Cranberry không đường  
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm  
Ngày nhận mẫu : 19/04/2022  
Thời gian thử nghiệm : 20/04/2022 - 25/04/2022  
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 25/04/2022  
Mã số PO của khách hàng : GG8T220419105  
Mã số mẫu Eol : 005-32410-68479

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                          | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                | KẾT QUẢ                        |
|-----|----------------------------------------------|--------|------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1   | VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>  | cfu/ g | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)                 | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 2   | VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>                | cfu/ g | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)                 | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 3   | VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>         | MPN/ g | TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)            | Không phát hiện<br>(LOD=0)     |
| 4   | VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>    | cfu/ g | AOAC 975.55                                    | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 5   | VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>          | cfu/ g | AOAC 980.31                                    | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 6   | VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí    | cfu/ g | TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)            | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 7   | VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc    | cfu/ g | TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)            | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 8   | VD855 VD (a) Cadimi (Cd)                     | mg/ kg | AOAC 2015.01                                   | Không phát hiện<br>(LOD=0.01)  |
| 9   | VD856 VD (a) Arsen (As)                      | mg/ kg | AOAC 2015.01                                   | Không phát hiện<br>(LOD=0.01)  |
| 10  | VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)                  | mg/ kg | AOAC 2015.01                                   | Không phát hiện<br>(LOD=0.007) |
| 11  | VD071 VD (a) Patulin                         | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5629 (Ref. AOAC 2000.02)         | Không phát hiện<br>(LOD=5)     |
| 12  | VD821 VD (a) Aflatoxin B1                    | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03) | Không phát hiện<br>(LOD=0.5)   |
| 13  | VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03) | Không phát hiện<br>(LOD=0.5)   |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ  
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 27/04/2022

**Ghi chú giải thích**

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.  
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.  
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.  
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.  
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





# Certificate

The SQS herewith attests that the organisation named below has a management system that meets the requirements of the normative base mentioned.



**Ricola AG**  
**Baselstrasse 31**  
**4242 Laufen**  
**Switzerland**

Further sites according to appendix

Scope

Fabrication of and trading with products on herb basis, confectionery or similar products, pharmaceutical products.

Normative base

**ISO 9001:2015**

**Quality Management System**

Reg. no. H10637  
Page 1 of 2

Validity 01.08.2023 – 31.07.2026  
Issue 31.07.2023

  
A. Grisard, President SQS

  
F. Müller, CEO



Swiss Association for Quality and Management Systems (SQS)  
Bernstrasse 103, 3052 Zollikofen, Switzerland





**Ricola AG**  
**Baselstrasse 31**  
**4242 Laufen**  
**Switzerland**

| Central function                                                            | Scope                                                                                                               | Norm / Revision | Reg. no. | Validity                 |
|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|--------------------------|
| <b>Ricola AG</b><br>Baselstrasse 31<br>4242 Laufen<br>Switzerland           | Fabrication of and trading with products on herb basis, confectionery or similar products, pharmaceutical products. | ISO 9001:2015   | H10637   | 01.08.2023<br>31.07.2026 |
| Locations                                                                   | Scope                                                                                                               | Norm / Revision | Reg. no. | Validity                 |
| <b>Ricola AG</b><br>Wahlenstrasse 101 und 105<br>4242 Laufen<br>Switzerland | Production of herbal hard candies.<br>Drying, cutting and mixing of herbs.                                          | ISO 9001:2015   | H10637   | 01.08.2023<br>31.07.2026 |
| <b>Ricola Europe SAS</b><br>Rue de l'ill<br>68350 BRUNSTATT<br>France       | Packaging of herbal hard candies.                                                                                   | ISO 9001:2015   | H10637   | 01.08.2023<br>31.07.2026 |
| <b>Ricola AG</b><br>Baselstrasse 89<br>4242 Laufen<br>Switzerland           | Production and packaging of herb pastilles, herb pearls and instant tea as well as packaging of hard candies.       | ISO 9001:2015   | H10637   | 01.08.2023<br>31.07.2026 |
| <b>Ricola Schweiz AG</b><br>Baselstrasse 160<br>4242 Laufen<br>Switzerland  | Fabrication of and trading with products on herb basis, confectionery or similar products, pharmaceutical products. | ISO 9001:2015   | H10637   | 01.08.2023<br>31.07.2026 |

Reg. no. H10637  
Page 2 of 2

Validity 01.08.2023 – 31.07.2026  
Issue 31.07.2023

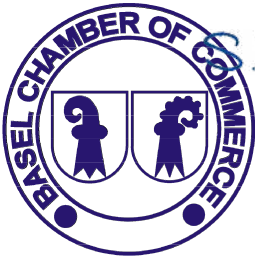
  
A. Grisard, President SQS

  
F. Müller, CEO



Swiss Association for Quality and Management Systems (SQS)  
Bernstrasse 103, 3052 Zollikofen, Switzerland



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| <div>Exporteur<br/>Exportateur<br/>Esportatore<br/>Exporter</div> <div>Ricola AG<br/>Baselstrasse 31<br/>CH-4242 Laufen<br/>Switzerland</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  | <div>Page1/1</div> <div>Nr.<br/>No.1363162</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
| <div>Empfänger<br/>Destinataire<br/>Destinatario<br/>Consignee</div> <div>Annam Fine Food Co., Ltd<br/>41 Thao Dien<br/>Thao Dien Ward, Thu Duc City<br/>HO CHI MINH CITY<br/>Vietnam</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  | <div>URSPRUNGSZEUGNIS<br/>CERTIFICAT D'ORIGINE<br/>CERTIFICATO D'ORIGINE<br/>CERTIFICATE OF ORIGIN</div> <div>SCHWEIZERISCHE EIDGENOSSENSCHAFT<br/>CONFÉDÉRATION SUISSE<br/>CONFERAZIONE SVIZZERA<br/>SWISS CONFEDERATION</div> <div></div> <div><div>UrsprungslandSwitzerland</div><div>Pays d'origine</div><div>Paese d'origine</div><div>Country of origin</div></div> |  |
| <div>Angaben über die Beförderung (Ausfüllung freigestellt)<br/>Informations relatives au transport (mention facultative)<br/>Informazioni riguardanti il trasporto (indicazione facoltativa)<br/>Particulars of transport (optional declaration)</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  | <div>Bemerkungen<br/>Observations<br/>Osservazioni<br/>Observations</div> <div>PO AFF10433<br/>Invoice No. 92028717 of 23.05.2024<br/>Country of Origin: Switzerland</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| <div>Zeichen, Nummern, Anzahl und Art der Packstücke; Warenbezeichnung<br/>Marques, numéros, nombre et nature des colis; désignation des marchandises<br/>Marche, numeri, numero e natura dei colli; designazione delle merci<br/>Marks, numbers, number and kind of packages, description of the goods</div> <div><div>70 cases<br/>Ricola Swiss Herb Candy Lemon Mint 100g</div><div>90 cases<br/>Ricola Swiss Herb Candy Original Herb 100g</div><div>168 cases<br/>Ricola Swiss Herb Candy Sugar Free<br/>Lemon Mint 40g</div><div>168 cases<br/>Ricola Swiss Herb Candy Sugar Free<br/>Apple Mint 40</div></div> <div></div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  | <div><div>Nettogewicht<br/>Poids net<br/>Peso netto<br/>Net weight<br/>kg, l, m3<br/>etc./ecc.</div><div>1'008.000 kg</div><div>1'296.000 kg</div><div>806.400 kg</div><div>806.400 kg</div><div><div>Bruttogewicht<br/>Poids brut<br/>Peso lordo<br/>Gross weight</div><div>5'129.120 kg</div></div></div>                                                                                                                                                  |  |
| <div>Die unterzeichnete Handelskammer bescheinigt den Ursprung oben bezeichneter Ware<br/>La Chambre de commerce soussignée certifie l'origine des marchandises désignées ci-dessus<br/>La sottoscritta Camera di commercio certifica l'origine delle merci summenzionate<br/>The undersigned Chamber of commerce certifies the origin of the above mentioned goods</div> <div></div> <div><div><div>Certificate of Origin<br/>Accredited Chamber<br/>CH2001101</div></div><div><div><div>S. Mundwiler<br/>Handelskammer Leider Basel<br/>Chambre de Commerce de Bâle<br/>Camera di Commercio di Basilea<br/>Basel Chamber of Commerce</div><div>Sandra Mundwiler</div></div></div><div>Basel,24.10.2024</div><div>To verify this document visit <a href="https://certificates.iccwbo.org">certificates.iccwbo.org</a>. Security code: 0B00-002G-TJB0-BAAI</div></div> |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |